

QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án                                                                                                                    | Địa điểm xây dựng | Năm lực thiết kế | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định đầu tư                                                                                                 |                                |            |                      | Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2023 |         |            |         | Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023 |                  |           |           | Kế hoạch vốn năm 2024 |                      |                  |         | QUYẾT TOÁN          |            |                      |         | So sánh (%)         |           |            |          |                      |                  |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------|----------------------|----------------------------------------------------------|---------|------------|---------|-------------------------------------|------------------|-----------|-----------|-----------------------|----------------------|------------------|---------|---------------------|------------|----------------------|---------|---------------------|-----------|------------|----------|----------------------|------------------|--|
|     |                                                                                                                                   |                   |                  |                                  | Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành                                                                          | Tổng mức đầu tư được duyệt     |            |                      | Chia theo nguồn vốn                                      |         |            | Tổng số | Chia theo nguồn vốn                 |                  |           | Tổng số   | Chia theo nguồn vốn   |                      |                  | Tổng số | Chia theo nguồn vốn |            |                      | Tổng số | Chia theo nguồn vốn |           |            | Tổng số  | Chia theo nguồn vốn  |                  |  |
|     |                                                                                                                                   |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Ngoài nước | Ngân sách trung ương | Nguồn địa phương                                         | Tổng số | Ngoài nước |         | Ngân sách trung ương                | Nguồn địa phương | Tổng số   |           | Ngoài nước            | Ngân sách trung ương | Nguồn địa phương |         | Tổng số             | Ngoài nước | Ngân sách trung ương |         | Nguồn địa phương    | Tổng số   | Ngoài nước |          | Ngân sách trung ương | Nguồn địa phương |  |
|     |                                                                                                                                   |                   |                  |                                  |                                                                                                                   |                                |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     |                  |           |           |                       |                      |                  |         |                     |            |                      |         |                     |           |            |          |                      |                  |  |
| A   | B                                                                                                                                 | 1                 | 2                | 3                                | 4                                                                                                                 | 5                              | 6          | 7                    | 8                                                        | 9       | 10         | 11      | 12                                  | 13               | 14        | 15        | 16                    | 17                   | 18               | 19      | 20                  | 21         | 22                   | 23      | 24                  | 25=21/17  | 26=22/18   | 27=23/19 | 28=24/20             |                  |  |
|     | Tổng số                                                                                                                           |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 11.079.557                     | 140.000    | 3.002.734            | 8.046.823                                                |         | 0          | 0       | 0                                   | 0                | 4.190.190 | 0         | 1.624.847             | 2.565.343            | 2.430.484        | 44.661  | 395.800             | 1.990.023  | 1.960.002            | 0       | 401.936             | 1.558.066 |            |          |                      |                  |  |
| I   | Trà nơ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)                                                                                        |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 0                              |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     | 0                |           |           |                       | 16.070               |                  |         | 16.070              | 10.757     |                      |         | 10.757              |           |            |          |                      |                  |  |
| II  | Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách trung ương                                                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                                   |                                |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     |                  |           |           |                       | 46.684               |                  |         | 46.684              | 0          |                      | 0       |                     |           |            |          |                      |                  |  |
| III | Văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng NTM tỉnh                                                                                      |                   |                  |                                  |                                                                                                                   |                                |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     |                  |           |           |                       | 44.850               |                  |         | 44.850              | 47.438     |                      |         | 47.438              |           |            |          |                      |                  |  |
| IV  | Hoàn trả vốn CTMT QG Nông thôn mới                                                                                                |                   |                  |                                  |                                                                                                                   |                                |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     |                  |           |           |                       | 8.691                |                  |         | 8.691               | 0          |                      | 0       |                     |           |            |          |                      |                  |  |
| B   | Nông lâm nghiệp và nông thôn                                                                                                      |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 804.000                        | 0          | 0                    | 804.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 30.000           | 0         | 0         | 30.000                | 54.050               | 0                | 0       | 54.050              | 35.736     | 0                    | 0       | 35.736              |           |            |          |                      |                  |  |
| I   | Chỉ cục kiểm lâm                                                                                                                  |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 20.000                         | 0          | 0                    | 20.000                                                   | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 13.000           | 0         | 0         | 13.000                | 5.000                | 0                | 0       | 5.000               | 4.512      | 0                    | 0       | 4.512               |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Thực hiện dự án                                                                                                                   |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 20.000                         | 0          | 0                    | 20.000                                                   | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 13.000           | 0         | 0         | 13.000                | 5.000                | 0                | 0       | 5.000               | 4.512      | 0                    | 0       | 4.512               |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                 |                   |                  |                                  |                                                                                                                   |                                |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     |                  |           |           |                       |                      |                  |         |                     |            |                      |         |                     |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững                                                                      |                   |                  |                                  | 1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021                                                                                       | 20.000                         |            |                      | 20.000                                                   |         |            |         |                                     | 13.000           |           |           | 13.000                | 5.000                |                  |         | 5.000               | 4.512      |                      |         | 4.512               |           |            |          |                      |                  |  |
| II  | Ban OLDA đầu tư xây dựng tỉnh                                                                                                     |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 784.000                        | 0          | 0                    | 784.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 0                | 0         | 0         | 0                     | 44.000               | 0                | 0       | 44.000              | 26.213     | 0                    | 0       | 26.213              |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Thực hiện dự án                                                                                                                   |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 784.000                        | 0          | 0                    | 784.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 0                | 0         | 0         | 0                     | 44.000               | 0                | 0       | 44.000              | 26.213     | 0                    | 0       | 26.213              |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025                                                                             |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 784.000                        | 0          | 0                    | 784.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 0                | 0         | 0         | 0                     | 44.000               | 0                | 0       | 44.000              | 26.213     | 0                    | 0       | 26.213              |           |            |          |                      |                  |  |
| 1   | Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rat                                                                                       |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 646.000                        |            |                      | 646.000                                                  |         |            |         |                                     | 0                |           |           |                       | 5.000                |                  |         | 5.000               | 1.544      |                      |         | 1.544               |           |            |          |                      |                  |  |
| 2   | Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Dak Woa, huyện Bù Đăng                                                           |                   |                  |                                  | 2043/QĐ-UBND ngày 31/10/2022                                                                                      | 138.000                        |            |                      | 138.000                                                  |         |            |         |                                     | 0                |           |           |                       | 39.000               |                  |         | 39.000              | 24.669     |                      |         | 24.669              |           |            |          |                      |                  |  |
| I   | Liên minh HTX                                                                                                                     |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 0                              | 0          | 0                    | 0                                                        | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 17.000           | 0         | 0         | 17.000                | 5.050                | 0                | 0       | 5.050               | 5.011      | 0                    | 0       | 5.011               |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Thực hiện dự án                                                                                                                   |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 0                              | 0          | 0                    | 0                                                        | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 17.000           | 0         | 0         | 17.000                | 5.050                | 0                | 0       | 5.050               | 5.011      | 0                    | 0       | 5.011               |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                 |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 0                              | 0          | 0                    | 0                                                        | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 17.000           | 0         | 0         | 17.000                | 5.050                | 0                | 0       | 5.050               | 5.011      | 0                    | 0       | 5.011               |           |            |          |                      |                  |  |
| 2   | Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã                                                                                    |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 0                              |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     | 17.000           |           |           | 17.000                | 5.000                |                  |         | 5.000               | 5.000      |                      |         | 5.000               |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã                                                                                                      |                   |                  |                                  |                                                                                                                   |                                |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     |                  |           |           | 50                    |                      |                  | 50      | 11                  |            |                      | 11      |                     |           |            |          |                      |                  |  |
| C   | Công nghiệp và hạ tầng các khu công nghiệp                                                                                        |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 200.000                        | 0          | 0                    | 200.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 106.700          | 0         | 0         | 106.700               | 37.300               | 0                | 0       | 37.300              | 35.760     | 0                    | 0       | 35.760              |           |            |          |                      |                  |  |
| I   | Ban OLDA đầu tư xây dựng tỉnh                                                                                                     |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 200.000                        | 0          | 0                    | 200.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 106.700          | 0         | 0         | 106.700               | 37.300               | 0                | 0       | 37.300              | 35.760     | 0                    | 0       | 35.760              |           |            |          |                      |                  |  |
| 2   | Thực hiện dự án                                                                                                                   |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 200.000                        | 0          | 0                    | 200.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 106.700          | 0         | 0         | 106.700               | 37.300               | 0                | 0       | 37.300              | 35.760     | 0                    | 0       | 35.760              |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                 |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 200.000                        | 0          | 0                    | 200.000                                                  | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 106.700          | 0         | 0         | 106.700               | 37.300               | 0                | 0       | 37.300              | 35.760     | 0                    | 0       | 35.760              |           |            |          |                      |                  |  |
| 1   | Xây dựng đường thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng                             |                   |                  |                                  | 1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021                                                                                       | 50.000                         |            |                      | 50.000                                                   |         |            |         |                                     | 34.000           |           |           | 34.000                | 10.000               |                  |         | 10.000              | 2.473      |                      |         | 2.473               |           |            |          |                      |                  |  |
| 2   | Xây dựng đường thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng                          |                   |                  |                                  | 1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021                                                                                       | 50.000                         |            |                      | 50.000                                                   |         |            |         |                                     | 14.000           |           |           | 14.000                | 9.100                |                  |         | 9.100               | 15.571     |                      |         | 15.571              |           |            |          |                      |                  |  |
| 3   | Xây dựng đường thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hạng Quốc kéo dài                     |                   |                  |                                  | 1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021                                                                                       | 50.000                         |            |                      | 50.000                                                   |         |            |         |                                     | 27.000           |           |           | 27.000                | 11.300               |                  |         | 11.300              | 10.816     |                      |         | 10.816              |           |            |          |                      |                  |  |
| 4   | Xây dựng nối tiếp đường thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)            |                   |                  |                                  | 809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021                                                                                        | 50.000                         |            |                      | 50.000                                                   |         |            |         |                                     | 31.700           |           |           | 31.700                | 6.900                |                  |         | 6.900               | 6.900      |                      |         | 6.900               |           |            |          |                      |                  |  |
| D   | Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị                                                                                             |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 8.501.557                      | 0          | 2.852.734            | 5.728.823                                                | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 3.546.235        | 0         | 1.521.647 | 2.024.508             | 1.400.980            | 0                | 349.000 | 1.134.070           | 1.400.981  | 0                    | 401.936 | 1.007.045           |           |            |          |                      |                  |  |
| I   | Ban OLDA đầu tư xây dựng tỉnh                                                                                                     |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 3.770.557                      | 0          | 2.132.734            | 1.637.823                                                | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 1.525.105        | 0         | 905.647   | 619.458               | 724.096              | 0                | 245.000 | 479.096             | 727.935    | 0                    | 312.342 | 415.593             |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Thực hiện dự án                                                                                                                   |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 3.770.557                      | 0          | 2.132.734            | 1.637.823                                                | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 1.525.105        | 0         | 905.647   | 619.458               | 724.096              | 0                | 245.000 | 479.096             | 727.935    | 0                    | 312.342 | 415.593             |           |            |          |                      |                  |  |
|     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                 |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 3.115.557                      | 0          | 1.900.000            | 1.215.557                                                | 0       | 0          | 0       | 0                                   | 1.525.105        | 0         | 905.647   | 619.458               | 678.096              | 0                | 199.000 | 479.096             | 717.252    | 0                    | 301.659 | 415.593             |           |            |          |                      |                  |  |
| 1   | Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư                                                              |                   |                  |                                  | 2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022                               | 1.450.000                      |            | 1.450.000            |                                                          |         |            |         |                                     | 956.332          |           | 905.647   | 50.685                | 455.200              | 199.000          | 256.200 | 541.175             |            | 301.659              | 239.516 |                     |           |            |          |                      |                  |  |
| 2   | Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cầu khu quốc tế Hoa Lư                                                         |                   |                  |                                  | 987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020                                                                                         | 450.000                        |            | 450.000              |                                                          |         |            |         |                                     | 20.000           |           |           | 20.000                | 27.000               |                  |         | 27.000              | 27.938     |                      |         | 27.938              |           |            |          |                      |                  |  |
| 3   | Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú                                                                                         |                   |                  |                                  | 2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019                                                                                      | 180.000                        |            | 180.000              |                                                          |         |            |         |                                     | 65.600           |           |           | 65.600                | 36.600               |                  |         | 36.600              | 28.704     |                      |         | 28.704              |           |            |          |                      |                  |  |
| 4   | Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753                                                                       |                   |                  |                                  | 1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021                                                                                       | 100.000                        |            | 100.000              |                                                          |         |            |         |                                     | 76.000           |           |           | 76.000                | 14.000               |                  |         | 14.000              | 14.499     |                      |         | 14.499              |           |            |          |                      |                  |  |
| 5   | Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bầu Bàng                                                                                     |                   |                  |                                  | 1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021; 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021                                                         | 440.000                        |            | 440.000              |                                                          |         |            |         |                                     | 51.999           |           |           | 51.999                | 100.000              |                  |         | 100.000             | 77.424     |                      |         | 77.424              |           |            |          |                      |                  |  |
| 6   | Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)                                      |                   |                  |                                  | 2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017; 1901/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 | 495.557                        |            |                      | 495.557                                                  |         |            |         |                                     | 355.174          |           |           | 355.174               | 17.800               |                  |         | 17.800              | 19         |                      |         | 19                  |           |            |          |                      |                  |  |
| 7   | Xây dựng đường giao thông từ ngã ba Vườn chuối (quốc lộ 14) đến vực trảng cỏ Bù Lach, xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 0                              |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     | 0                |           |           | 9.680                 |                      |                  | 9.680   | 9.680               |            |                      | 9.680   |                     |           |            |          |                      |                  |  |
| 8   | Xây dựng cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Bình Phước                                                                                |                   |                  |                                  |                                                                                                                   | 0                              |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     | 0                |           |           | 11.380                |                      |                  | 11.380  | 11.377              |            |                      | 11.377  |                     |           |            |          |                      |                  |  |
| 9   | Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Bình Phước, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ                                      |                   |                  |                                  |                                                                                                                   |                                |            |                      |                                                          |         |            |         |                                     |                  |           |           | 6.412                 |                      |                  | 6.412   | 6.411               |            |                      | 6.411   |                     |           |            |          |                      |                  |  |

[illegible]

|                                                       |                                                                                                                                       |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   |         |   |         |         |         |   |        |         |        |   |        |        |        |  |  |  |  |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------|---|---------|---------|---|---|---|---|---|---------|---|---------|---------|---------|---|--------|---------|--------|---|--------|--------|--------|--|--|--|--|
| 3                                                     | Nâng cấp, mở rộng đường DH từ xã Đa Kìu qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng                          | 584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021   | 60,000    |   | 60,000  |         |   |   |   |   |   | 28,000  |   |         | 28,000  | 20,000  |   |        | 20,000  | 20,000 |   |        |        | 20,000 |  |  |  |  |
| 4                                                     | Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện                                                                               | 2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020 | 90,000    |   | 90,000  |         |   |   |   |   |   | 65,000  |   |         | 65,000  | 10,000  |   |        | 10,000  | 16,128 |   |        |        | 16,128 |  |  |  |  |
| 5                                                     | Đường và cầu từ ĐT 759 đến trung tâm xã Phước Minh huyện Bù Gia Mập                                                                   |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   |         |   |         |         | 844     |   |        | 844     | 840    |   |        |        | 840    |  |  |  |  |
| IX UBND TX Chơn Thành                                 |                                                                                                                                       |                              | 100,000   | 0 | 0       | 100,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 30,000  | 0 | 0      | 30,000  | 28,925 | 0 | 0      | 28,925 |        |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 100,000   | 0 | 0       | 100,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 30,000  | 0 | 0      | 30,000  | 28,925 | 0 | 0      | 28,925 |        |  |  |  |  |
| Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 |                                                                                                                                       |                              | 100,000   | 0 | 0       | 100,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 30,000  | 0 | 0      | 30,000  | 28,925 | 0 | 0      | 28,925 |        |  |  |  |  |
| 1                                                     | Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành                                                             | 79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023   | 100,000   |   | 100,000 |         |   |   |   |   |   | 0       |   |         | 0       | 30,000  |   |        | 30,000  | 28,925 |   |        |        | 28,925 |  |  |  |  |
| X UBND huyện Lộc Ninh                                 |                                                                                                                                       |                              | 255,000   | 0 | 135,000 | 120,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 154,700 | 0 | 100,000 | 54,700  | 74,000  | 0 | 35,000 | 39,000  | 99,188 | 0 | 0      | 60,188 | 39,000 |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 255,000   | 0 | 135,000 | 120,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 154,700 | 0 | 100,000 | 54,700  | 74,000  | 0 | 35,000 | 39,000  | 99,188 | 0 | 0      | 60,188 | 39,000 |  |  |  |  |
| Dự án chuyển tiếp                                     |                                                                                                                                       |                              | 255,000   | 0 | 135,000 | 120,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 154,700 | 0 | 100,000 | 54,700  | 74,000  | 0 | 35,000 | 39,000  | 99,188 | 0 | 0      | 60,188 | 39,000 |  |  |  |  |
| 1                                                     | Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13                                                                              | 2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022  | 30,000    |   | 30,000  |         |   |   |   |   |   | 14,700  |   |         | 14,700  | 12,000  |   |        | 12,000  | 12,000 |   |        |        | 12,000 |  |  |  |  |
|                                                       | Xây dựng đường liên xã Lộc Điện - Lộc Khánh kết nối QL13                                                                              | 2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021  | 30,000    |   | 30,000  |         |   |   |   |   |   | 16,000  |   |         | 16,000  | 11,000  |   |        | 11,000  | 11,000 |   |        |        | 11,000 |  |  |  |  |
| 1                                                     | Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13                                                                             | 1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021  | 45,000    |   | 45,000  |         |   |   |   |   |   | 24,000  |   |         | 24,000  | 16,000  |   |        | 16,000  | 16,000 |   |        |        | 16,000 |  |  |  |  |
| 1                                                     | Xây dựng đường và kẻ suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điện)                                       | 853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021   | 150,000   |   | 135,000 | 15,000  |   |   |   |   |   | 100,000 |   | 100,000 |         | 35,000  |   | 35,000 | 0       | 60,188 |   | 60,188 |        | 0      |  |  |  |  |
| XI UBND Thị xã Phước Long                             |                                                                                                                                       |                              | 250,000   | 0 | 0       | 250,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 113,500 | 0 | 0       | 113,500 | 78,000  | 0 | 0      | 78,000  | 56,098 | 0 | 0      | 56,098 |        |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 250,000   | 0 | 0       | 250,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 113,500 | 0 | 0       | 113,500 | 78,000  | 0 | 0      | 78,000  | 56,098 | 0 | 0      | 56,098 |        |  |  |  |  |
| Dự án chuyển tiếp                                     |                                                                                                                                       |                              | 250,000   | 0 | 0       | 250,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 113,500 | 0 | 0       | 113,500 | 78,000  | 0 | 0      | 78,000  | 56,098 | 0 | 0      | 56,098 |        |  |  |  |  |
| 28                                                    | Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá                                                                    | 3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 | 50,000    |   | 50,000  |         |   |   |   |   |   | 25,000  |   |         | 25,000  | 8,000   |   |        | 8,000   | 10,649 |   |        |        | 10,649 |  |  |  |  |
| 29                                                    | Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điện, Long Phước) | 2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021  | 60,000    |   | 60,000  |         |   |   |   |   |   | 28,500  |   |         | 28,500  | 15,000  |   |        | 15,000  | 2,944  |   |        |        | 2,944  |  |  |  |  |
| 30                                                    | Xây dựng cầu bắc qua Sông Bè (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)                                                             | 2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021  | 80,000    |   | 80,000  |         |   |   |   |   |   | 30,000  |   |         | 30,000  | 35,000  |   |        | 35,000  | 26,458 |   |        |        | 26,458 |  |  |  |  |
| 31                                                    | Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cù My Khê Bà Định và núi Bà Rá                                                    | 2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021  | 60,000    |   | 60,000  |         |   |   |   |   |   | 30,000  |   |         | 30,000  | 20,000  |   |        | 20,000  | 16,047 |   |        |        | 16,047 |  |  |  |  |
| XI UBND huyện Đồng Phú                                |                                                                                                                                       |                              | 1,280,000 | 0 | 400,000 | 880,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 565,550 | 0 | 336,000 | 229,550 | 122,124 | 0 | 64,000 | 58,124  | 89,700 | 0 | 0      | 27,562 | 62,138 |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 1,280,000 | 0 | 400,000 | 880,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 565,550 | 0 | 336,000 | 229,550 | 122,124 | 0 | 64,000 | 58,124  | 89,700 | 0 | 0      | 27,562 | 62,138 |  |  |  |  |
| Dự án chuyển tiếp                                     |                                                                                                                                       |                              | 1,280,000 | 0 | 400,000 | 880,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 565,550 | 0 | 336,000 | 229,550 | 122,124 | 0 | 64,000 | 58,124  | 89,700 | 0 | 0      | 27,562 | 62,138 |  |  |  |  |
|                                                       | Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước                         | 2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020  | 372,000   |   | 372,000 |         |   |   |   |   |   | 150,000 |   |         | 150,000 | 16,232  |   |        | 16,232  | 16,199 |   |        |        | 16,199 |  |  |  |  |
| 2                                                     | Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú                                                            | 213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021  | 340,000   |   | 340,000 |         |   |   |   |   |   | 42,000  |   |         | 42,000  | 12,000  |   |        | 12,000  | 15,150 |   |        |        | 15,150 |  |  |  |  |
| 3                                                     | Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng                                                                     | 215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021  | 130,000   |   | 130,000 |         |   |   |   |   |   | 35,550  |   |         | 35,550  | 12,000  |   |        | 12,000  | 12,500 |   |        |        | 12,500 |  |  |  |  |
| 4                                                     | Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riềng Đò từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú                               | 1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021  | 38,000    |   | 38,000  |         |   |   |   |   |   | 2,000   |   |         | 2,000   | 12,000  |   |        | 12,000  | 12,398 |   |        |        | 12,398 |  |  |  |  |
| 5                                                     | Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú | 214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021  | 400,000   |   | 400,000 |         |   |   |   |   |   | 336,000 |   | 336,000 |         | 64,000  |   | 64,000 |         | 27,562 |   | 27,562 |        | 0      |  |  |  |  |
|                                                       | Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 3 ấp Phước Tiến, Nam Đò đến ngã ba ấp Sác Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú.         |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   |         |   |         | 667     |         |   | 667    | 666     |        |   |        | 666    |        |  |  |  |  |
|                                                       | Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm, huyện Đồng Phú                                                      |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   |         |   |         |         | 5,225   |   |        | 5,225   | 5,224  |   |        |        | 5,224  |  |  |  |  |
| E Giáo dục - Đào tạo                                  |                                                                                                                                       |                              | 260,000   | 0 | 0       | 260,000 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 164,000 | 0 | 0       | 164,000 | 250,006 | 0 | 0      | 250,006 | 43,869 | 0 | 0      | 43,869 |        |  |  |  |  |
| Hỗ trợ các huyện xây dựng 280 phòng học               |                                                                                                                                       |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   | 0       |   |         |         | 196,000 |   |        | 196,000 | 0      |   |        | 0      |        |  |  |  |  |
| II UBND huyện Hòa Duan                                |                                                                                                                                       |                              | 30,000    | 0 | 0       | 30,000  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 20,000  | 0 | 0       | 20,000  | 7,000   | 0 | 0      | 7,000   | 7,215  | 0 | 0      | 7,215  |        |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 30,000    | 0 | 0       | 30,000  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 20,000  | 0 | 0       | 20,000  | 7,000   | 0 | 0      | 7,000   | 7,215  | 0 | 0      | 7,215  |        |  |  |  |  |
| Dự án chuyển tiếp                                     |                                                                                                                                       |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   |         |   |         |         |         |   |        |         | 0      |   |        | 0      |        |  |  |  |  |
| 2                                                     | Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hương - Sikico)                                                                     | 237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021  | 30,000    |   | 30,000  |         |   |   |   |   |   | 20,000  |   |         | 20,000  | 7,000   |   |        | 7,000   | 7,215  |   |        |        | 7,215  |  |  |  |  |
| IV UBND huyện Đồng Phú                                |                                                                                                                                       |                              | 0         | 0 | 0       | 0       | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 140     | 0 | 0      | 140     | 133    | 0 | 0      | 133    |        |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 0         | 0 | 0       | 0       | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 140     | 0 | 0      | 140     | 133    | 0 | 0      | 133    |        |  |  |  |  |
| Dự án chuyển tiếp                                     |                                                                                                                                       |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   |         |   |         |         |         |   |        |         | 0      |   |        | 0      |        |  |  |  |  |
| 1                                                     | Trường THPT Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước                                                                                 |                              | 0         |   |         |         |   |   |   |   |   | 0       |   |         |         | 140     |   |        | 140     | 133    |   |        |        | 133    |  |  |  |  |
| V UBND huyện Phú Riềng                                |                                                                                                                                       |                              | 0         | 0 | 0       | 0       | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 1,610   | 0 | 0      | 1,610   | 1,604  | 0 | 0      | 1,604  |        |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 0         | 0 | 0       | 0       | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 1,610   | 0 | 0      | 1,610   | 1,604  | 0 | 0      | 1,604  |        |  |  |  |  |
| Dự án chuyển tiếp                                     |                                                                                                                                       |                              | 0         | 0 | 0       | 0       | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0 | 0       | 0       | 1,610   | 0 | 0      | 1,610   | 1,604  | 0 | 0      | 1,604  |        |  |  |  |  |
| 1                                                     | Xây dựng nhà đa năng và hạ tầng trường THPT Nguyễn Khuyến, huyện Phú Riềng                                                            |                              |           |   |         |         |   |   |   |   |   |         |   |         |         | 1,610   |   |        | 1,610   | 1,604  |   |        |        | 1,604  |  |  |  |  |
| VI UBND huyện Bù Đốp                                  |                                                                                                                                       |                              | 60,000    | 0 | 0       | 60,000  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 40,000  | 0 | 0       | 40,000  | 14,256  | 0 | 0      | 14,256  | 11,896 | 0 | 0      | 11,896 |        |  |  |  |  |
| Thực hiện dự án                                       |                                                                                                                                       |                              | 60,000    | 0 | 0       | 60,000  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 40,000  | 0 | 0       | 40,000  | 14,256  | 0 | 0      | 14,256  | 11,896 | 0 | 0      | 11,896 |        |  |  |  |  |
| Dự án chuyển tiếp                                     |                                                                                                                                       |                              | 60,000    | 0 | 0       | 60,000  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 40,000  | 0 | 0       | 40,000  | 14,256  | 0 | 0      | 14,256  | 11,896 | 0 | 0      | 11,896 |        |  |  |  |  |
| 1                                                     | Xây dựng trường mầm non Phước Thiện                                                                                                   | 153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021  | 30,000    |   | 30,000  |         |   |   |   |   |   | 20,000  |   |         | 20,000  | 7,000   |   |        | 7,000   | 4,680  |   |        |        | 4,680  |  |  |  |  |

[illegible]

|     |                                                                                                                                                                     |  |  |  |                            |         |   |         |        |        |   |   |   |         |         |         |         |        |        |        |        |        |        |   |        |        |  |  |  |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|----------------------------|---------|---|---------|--------|--------|---|---|---|---------|---------|---------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|---|--------|--------|--|--|--|--|
|     | Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025                                                                                                               |  |  |  |                            | 93,000  | 0 | 0       | 0      | 93,000 | 0 | 0 | 0 | 0       | 0       | 0       | 0       | 0      | 20,000 | 0      | 0      | 20,000 | 2,106  | 0 | 0      | 2,106  |  |  |  |  |
| I   | Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)                                                                                                       |  |  |  |                            | 43,000  |   |         |        | 43,000 |   |   |   |         | 0       |         |         |        | 10,000 |        |        | 10,000 | 2,106  |   |        | 2,106  |  |  |  |  |
| 2   | Sơ chi huy thông nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1                                                                                           |  |  |  | 11/NQ-HDND ngày 13/7/2020  | 50,000  |   |         |        | 50,000 |   |   |   |         | 0       |         |         |        | 10,000 |        |        | 10,000 | 0      |   |        | 0      |  |  |  |  |
| II  | Công an tỉnh                                                                                                                                                        |  |  |  |                            | 35,000  | 0 | 0       | 35,000 | 0      | 0 | 0 | 0 | 0       | 0       | 0       | 0       | 0      | 15,000 | 0      | 0      | 15,000 | 8,463  | 0 | 0      | 8,463  |  |  |  |  |
|     | Thực hiện dự án                                                                                                                                                     |  |  |  |                            | 35,000  | 0 | 0       | 35,000 | 0      | 0 | 0 | 0 | 0       | 0       | 0       | 0       | 0      | 15,000 | 0      | 0      | 15,000 | 8,463  | 0 | 0      | 8,463  |  |  |  |  |
|     | Dự án chuyển tiến                                                                                                                                                   |  |  |  |                            | 35,000  | 0 | 0       | 35,000 | 0      | 0 | 0 | 0 | 0       | 0       | 0       | 0       | 0      | 15,000 | 0      | 0      | 15,000 | 8,463  | 0 | 0      | 8,463  |  |  |  |  |
|     | Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021 - 2025                                                                                                               |  |  |  |                            |         |   |         |        |        |   |   |   |         |         |         |         |        |        |        |        |        | 0      |   |        | 0      |  |  |  |  |
| 1   | Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)                                                                                                                   |  |  |  | 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 | 35,000  |   |         |        | 35,000 |   |   |   |         | 0       |         |         |        | 15,000 |        |        | 15,000 | 8,463  |   |        | 8,463  |  |  |  |  |
| III | Bổ chi huy bỏ đồ biến phòng tỉnh                                                                                                                                    |  |  |  |                            | 150,000 | 0 | 150,000 | 0      | 0      | 0 | 0 | 0 | 0       | 103,200 | 0       | 103,200 | 0      | 46,800 | 0      | 46,800 | 0      | 22,711 | 0 | 0      | 22,711 |  |  |  |  |
|     | Thực hiện dự án                                                                                                                                                     |  |  |  |                            | 150,000 | 0 | 150,000 | 0      | 0      | 0 | 0 | 0 | 0       | 103,200 | 0       | 103,200 | 0      | 46,800 | 0      | 46,800 | 0      | 22,711 | 0 | 0      | 22,711 |  |  |  |  |
|     | Dự án chuyển tiếp                                                                                                                                                   |  |  |  |                            | 150,000 | 0 | 150,000 | 0      | 0      | 0 | 0 | 0 | 0       | 103,200 | 0       | 103,200 | 0      | 46,800 | 0      | 46,800 | 0      | 22,711 | 0 | 0      | 22,711 |  |  |  |  |
| I   | Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đăk O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh;Lộc thiên huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới |  |  |  | 216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021 | 150,000 |   | 150,000 |        |        |   |   |   | 103,200 |         | 103,200 |         | 46,800 |        | 46,800 |        | 22,711 |        |   | 22,711 |        |  |  |  |  |